



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2022

THÁNG 01 NĂM 2023





TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 31/12/2022	Số đầu năm 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.436.710.162.309	9.328.197.595.517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	803.888.428.202	508.310.060.239
Tiền	111		788.888.428.202	508.310.060.239
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.162.000.058.794	1.625.388.572.810
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.162.000.058.794	1.625.388.572.810
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.227.327.973.227	2.768.462.175.921
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.323.212.044.285	2.737.849.757.432
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.457.259.917	3.324.705.936
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	835.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	98.486.055.107	27.253.184.033
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.3	(36.827.386.082)	(2.965.471.480)
IV. Hàng tồn kho	140		3.104.584.361.940	4.288.834.952.447
Hàng tồn kho	141	V.7	3.183.957.773.916	4.295.431.902.063
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149	V.7	(79.373.411.976)	(6.596.949.616)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		138.909.340.146	137.201.834.100
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	13.592.546.569	13.692.787.742
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.16	125.309.773.577	123.502.026.358
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	7.020.000	7.020.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 31/12/2022	Số đầu năm 01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.733.239.417.958	3.189.265.243.195
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.160.000	420.734.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	22.160.000	420.734.000
II. Tài sản cố định	220		2.296.351.261.126	2.579.863.716.654
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.175.136.186.559	2.456.560.135.027
- Nguyên giá	222		4.290.252.867.958	4.261.389.075.829
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.115.116.681.399)	(1.804.828.940.802)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	3.165.744.859
- Nguyên giá	225		-	4.105.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	(939.655.141)
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	121.215.074.567	120.137.836.768
- Nguyên giá	228		136.488.946.727	132.998.726.727
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(15.273.872.160)	(12.860.889.959)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	3.175.888.322	3.106.220.920
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.175.888.322	3.106.220.920
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		150.240.000.000	319.240.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	V.13	119.600.000.000	119.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	30.640.000.000	199.640.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		283.450.108.510	286.634.571.621
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	260.209.948.898	286.634.571.621
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		23.240.159.612	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		10.169.949.580.267	12.517.462.838.712



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 31/12/2022	Số đầu năm 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.739.847.315.352	9.096.163.003.004
I. Nợ ngắn hạn	310		6.684.161.651.390	8.696.989.269.714
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	1.245.134.825.828	2.335.537.973.635
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	47.365.551.294	58.214.054.484
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	78.008.238.712	107.269.579.746
Phải trả người lao động	314		16.695.086.216	32.710.915.919
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		13.396.797.027	5.811.019.636
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	12.484.217.007	2.336.184.377.773
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	5.217.194.359.628	3.805.063.969.247
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		53.882.575.678	16.197.379.274
II. Nợ dài hạn	330		55.685.663.962	399.173.733.290
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	-	399.173.733.290
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.19	55.685.663.962	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.430.102.264.915	3.421.299.835.708
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	3.430.102.264.915	3.421.299.835.708
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	464.371.374.500
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.443.388.130.960	1.928.337.590.736
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		1.713.837.581.136	748.568.092.004
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421B		(270.449.450.176)	1.179.769.498.732
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10.169.949.580.267	12.517.462.838.712

Ngày 28 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan Diệp Quế Trâm

Trần Lệ Xuân

Hồ Song Ngọc



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình

Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondongacom.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B02 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ IV NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	4.312.196.930.904	8.134.536.783.034	21.590.772.573.812	25.199.474.323.558
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		25.672.179.783	7.552.966.110	65.497.858.093	40.062.604.225
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.286.524.751.121	8.126.983.816.924	21.525.274.715.719	25.159.411.719.333
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.363.053.931.959	7.258.613.477.393	20.360.458.441.391	22.393.115.626.131
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		(76.529.180.838)	868.370.339.531	1.164.816.274.328	2.766.296.093.202
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	95.151.059.222	120.712.481.557	406.871.768.036	266.168.965.927
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	203.565.254.894	89.795.223.487	494.988.947.836	249.893.322.066
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.119.808.468	61.278.121.630	240.085.316.001	197.369.948.761
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	235.421.107.863	537.031.438.585	1.271.135.649.482	1.247.681.343.357
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.141.574.330	27.468.071.701	107.391.280.405	87.840.016.062
10. Lợi nhuận thuần (lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		(436.506.058.703)	334.788.087.315	(301.827.835.359)	1.447.050.377.644
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.812.342.438	3.809.924.299	8.393.971.344	26.726.602.914
12. Chi phí khác	32	VI.6	248.954.319	3.260.134.101	255.745.773	5.499.222.892
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.563.388.119	549.790.198	8.138.225.571	21.227.380.022
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(434.942.670.584)	335.337.877.513	(293.689.609.788)	1.468.277.757.666
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	(28.988.459.830)	69.696.716.536	-	288.487.783.058
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	(23.240.159.612)	-	(23.240.159.612)	20.475.876
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(382.714.051.142)	265.641.160.977	(270.449.450.176)	1.179.769.498.732

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Phan Diệp Quế Trâm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lê Xuân

Ngày 28 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**NĂM 2022**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM 2022	NĂM 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	(293.689.609.788)	1.468.277.757.666
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn	2	311.761.067.657	314.932.851.297
Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng	3	106.638.376.962	9.332.601.609
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(1.718.306.451)	11.501.097.243
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(208.926.319.203)	(73.692.067.725)
Chi phí lãi vay	6	240.085.316.001	197.369.948.761
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	154.150.525.178	1.927.722.188.851
Giảm (tăng) các khoản phải thu	9	1.363.039.001.801	(1.123.050.054.671)
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10	1.111.474.128.147	(2.092.741.170.232)
Giảm (tăng) các khoản phải trả	11	(3.401.448.493.879)	2.380.539.832.301
Giảm chi phí trả trước	12	26.524.863.896	7.220.624.782
Tiền lãi vay đã trả	14	(232.492.523.268)	(198.034.487.615)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(66.630.689.570)	(259.346.358.798)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(60.848.163.495)	(22.054.609.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh	20	(1.106.231.351.190)	620.255.965.616
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(28.318.279.531)	(141.250.525.304)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	-	14.385.681.287
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(6.765.658.663.508)	(3.031.828.572.810)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	6.566.047.177.524	1.934.058.909.967
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(32.600.000.000)
Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được	27	181.812.911.624	72.153.264.183
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	30	(46.116.853.891)	(1.185.081.242.677)



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**NĂM 2022**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM 2022	NĂM 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	494.747.240.000	21.335.350.000
Tiền thu từ đi vay	33	17.609.167.710.781	17.079.764.216.862
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.537.591.652.080)	(16.204.680.852.898)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.049.464.172)	(2.398.403.084)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(114.390.510.000)	(168.087.660.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.450.883.324.529	725.932.650.880
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	298.535.119.448	161.107.373.819
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	508.310.060.239	347.959.718.539
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.956.751.485)	(757.032.119)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	803.888.428.202	508.310.060.239

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Phan Diệp Quế Trâm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ IV NĂM 2022**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất sắt, thép, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.**4. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và Tầng M, Lô 52-53 Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 1.240 người (ngày 1 tháng 1 năm 2022: 1.242 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có bốn (4) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu Công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Long An, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô E2, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. và hàng hóa để bán lại

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**QUÝ IV NĂM 2022**

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Các khoản đầu tư**Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**QUÝ IV NĂM 2022***Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****15. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

16. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

18. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**QUÝ IV NĂM 2022****Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)**

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tại chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết

định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	669.579.217	185.240.654
Tiền gửi ngân hàng	788.218.848.985	508.124.819.585
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	803.888.428.202	508.310.060.239

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	338.000.000.000	1.215.389.000.000
Trái phiếu	824.000.058.794	409.999.572.810
CỘNG	1.162.000.058.794	1.625.388.572.810
Dài hạn		
Trái phiếu	30.640.000.000	199.640.000.000
CỘNG	30.640.000.000	199.640.000.000
TỔNG CỘNG	1.192.640.058.794	1.825.028.572.810

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
JFE Shoji America LLC	-	487.519.007.805
Các khách hàng khác	928.712.547.843	1.792.969.602.737
Phải thu từ các bên liên quan	394.499.496.442	457.361.146.890
TỔNG CỘNG	1.323.212.044.285	2.737.849.757.432
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(36.827.386.082)	(2.965.471.480)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.286.384.658.203	2.734.884.285.952

(*) Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG A

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
NGẮN HẠN		
Công Ty CP Đầu Tư Bất Động Sản New Land	-	800.000.000
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Phú Mỹ	897.000.000	497.000.000
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Phát	957.487.832	-
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Quảng Cáo Á Đông	985.017.925	-
Chongqing H&J Technology Co.,Ltd.	1.884.259.500	552.836.105
Nhà cung cấp khác	2.733.494.660	1.474.869.831
TỔNG CỘNG	7.457.259.917	3.324.705.936

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	63.964.115.332	21.702.177.499
Phải thu chi hộ	6.672.350.844	5.284.220.298
Lãi phải thu	27.113.407.579	-
Khác	736.181.352	266.786.236
	98.486.055.107	27.253.184.033
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	22.160.000	420.734.000
	22.160.000	420.734.000
TỔNG CỘNG	98.508.215.107	27.673.918.033

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Huế	-	3.000.000.000
Công ty Cổ Phần Mua Bán Nợ Và Quản Lý Tài Sản Việt Nam(*)	435.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Đầu Tư Trường Giang(**)	200.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Vinatex - Tân Tạo(***)	200.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	835.000.000.000	3.000.000.000

Lãi suất của các khoản cho vay ngắn hạn nêu trên là từ 7,5%/năm đến 18%/năm với kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng.

(*) Công ty Cổ phần Mua Bán Nợ & Quản lý Tài sản Việt Nam đã mở bảo lãnh thanh toán cho khoản vay này tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành.

(**) Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Đầu Tư Trường Giang đã thế chấp cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Bất Động Sản An Gia(mã chứng khoán: AGG) đang lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.

(***) Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Vinatex - Tân Tạo đã thế chấp cổ phiếu của Tổng Công Ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP (mã chứng khoán: KBC) đang lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÓN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thành phẩm	2.159.096.467.165	2.373.781.440.729
Nguyên liệu, vật liệu	734.597.927.571	918.842.810.625
Hàng đang đi trên đường	243.179.518.858	952.852.498.203
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.380.940.136	44.550.940.049
Công cụ, dụng cụ	1.003.922.780	4.415.680.457
Hàng hoá	698.997.406	988.532.000
TỔNG CỘNG	3.183.957.773.916	4.295.431.902.063
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(79.373.411.976)	(6.596.949.616)
Giá trị thuần	3.104.584.361.940	4.288.834.952.447

(*) Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Số đầu năm	6.596.949.616	229.819.487
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	79.373.411.976	6.596.949.616
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.596.949.616)	(229.819.487)
Số cuối năm	79.373.411.976	6.596.949.616

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	13.592.546.569	13.692.787.742
Công cụ, dụng cụ đang dùng	7.837.677.891	9.581.044.575
Chi phí quảng cáo	188.295.191	1.545.881.111
Khác	5.566.573.487	2.565.862.056
Dài hạn	260.209.948.898	286.634.571.621
Tiền thuê đất trả trước (*)	180.719.594.191	186.301.854.415
Công cụ, dụng cụ đang dùng	50.920.799.356	51.720.136.841
Chi phí quảng cáo	16.351.196.370	36.715.754.100
Khác	12.218.358.981	11.896.826.265
TỔNG CỘNG	273.802.495.467	300.327.359.363

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2022	703.577.009.516	3.401.212.278.395	141.229.536.530	15.370.251.388	4.261.389.075.829
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	250.190.955	12.485.153.494			12.735.344.449
Mua trong năm	219.482.000	10.503.496.480	1.253.319.700	46.749.500	12.023.047.680
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính		3.620.400.000	485.000.000		4.105.400.000
Tại ngày 31/12/2022	704.046.682.471	3.427.821.328.369	142.967.856.230	15.417.000.888	4.290.252.867.958
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	21.818.729.692	305.620.603.800	12.589.895.571	11.985.954.188	352.015.183.251
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 01/01/2022	158.816.647.398	1.559.248.595.204	73.973.458.423	12.790.239.777	1.804.828.940.802
Khấu hao trong năm	31.857.185.312	262.056.822.121	14.364.812.925	865.095.515	309.143.915.873
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính	-	982.646.975	161.177.749	-	1.143.824.724
Tại ngày 31/12/2022	190.673.832.710	1.822.288.064.300	88.499.449.097	13.655.335.292	2.115.116.681.399
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	544.760.362.118	1.841.963.683.191	67.256.078.107	2.580.011.611	2.456.560.135.027
Tại ngày 31/12/2022	513.372.849.761	1.605.533.264.069	54.468.407.133	1.761.665.596	2.175.136.186.559

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	3.620.400.000	485.000.000	4.105.400.000
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(3.620.400.000)	(485.000.000)	(4.105.400.000)
Tại ngày 31/12/2022	-	-	-
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	813.841.974	125.813.167	939.655.141
Khấu hao trong năm	168.805.001	35.364.582	204.169.583
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(982.646.975)	(161.177.749)	(1.143.824.724)
Tại ngày 31/12/2022	-	-	-
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	2.806.558.026	359.186.833	3.165.744.859
Tại ngày 31/12/2022	-	-	-

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	116.854.000.000	16.144.726.727	132.998.726.727
Mua mới	672.300.000	218.120.000	890.420.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.599.800.000	2.599.800.000
Tại ngày 31/12/2022	117.526.300.000	18.962.646.727	136.488.946.727
Trong đó:			
Đã khấu hao hết		12.058.711.727	12.058.711.727
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	-	12.860.889.959	12.860.889.959
Hao mòn trong năm		2.412.982.201	2.412.982.201
Tại ngày 31/12/2022	-	15.273.872.160	15.273.872.160
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	116.854.000.000	3.283.836.768	120.137.836.768
Tại ngày 31/12/2022	117.526.300.000	3.688.774.567	121.215.074.567

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Mua sắm tài sản	2.484.716.322	54.399.000
Khác	691.172.000	3.051.821.920
TỔNG CỘNG	3.175.888.322	3.106.220.920

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	<i>Giá gốc</i>	<i>% sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>% sở hữu</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An	43.000.000.000	100	43.000.000.000	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng	25.000.000.000	100	25.000.000.000	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương	42.600.000.000	100	42.600.000.000	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh	9.000.000.000	100	9.000.000.000	100
TỔNG CỘNG	119.600.000.000		119.600.000.000	

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
NGÂN HẠN		
Công Ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	545.984.536.256	1.236.237.983.623
Jfe Shoji Corporation	-	436.911.814.054
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	153.495.036.312	133.683.749.470
Phải trả cho người bán khác	539.017.651.010	513.707.348.368
Phải trả cho các bên liên quan	6.637.602.250	14.997.078.120
TỔNG CỘNG	1.245.134.825.828	2.335.537.973.635

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Gramperfil S.A	-	17.780.080.988
PT.Kepuh Kencana Arum	5.726.426.680	1.273.601.728
PT Andaru Steel One	5.885.523.726	-
PT.Great Fortune	20.517.893.693	4.885.719.930
Người mua trả tiền trước khác	15.235.707.195	34.274.651.838
Bên liên quan trả tiền trước	-	-
TỔNG CỘNG	47.365.551.294	58.214.054.484

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số dư tại ngày 01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2022
Đơn vị tính: VND				
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	123.502.026.358	1.935.738.398.214	1.933.930.650.995	125.309.773.577
Thuế khác	7.020.000			7.020.000
TỔNG CỘNG	123.509.046.358	1.935.738.398.214	1.933.930.650.995	125.316.793.577
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.630.689.567	-	66.630.689.567	-
Thuế giá trị gia tăng	39.318.717.409	1.800.418.794.159	1.762.280.259.359	77.457.252.209
Thuế thu nhập cá nhân	1.113.347.284	23.313.311.815	23.875.672.596	550.986.503
Thuế nhập khẩu	206.825.486	1.288.180.260	1.495.005.746	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	285.400.000	285.400.000	-
Thuế khác		3.424.166.320	3.424.166.320	-
TỔNG CỘNG	107.269.579.746	1.828.729.852.554	1.857.991.193.588	78.008.238.712

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
UPAS L/C (*)	-	1.965.096.402.967
Chiết khấu bộ chứng từ(**)	-	368.152.785.550
Quảng cáo	295.528.518	938.102.030
Khác	12.188.688.489	1.997.087.226
TỔNG CỘNG	12.484.217.007	2.336.184.377.773

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.

(**) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc bán hàng hóa và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức chiết khấu thanh toán trước được phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	5.193.594.359.628	3.221.831.544.231
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	-	289.453.058.017
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả	23.600.000.000	237.096.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	-	997.703.037
Trái phiếu chuyển đổi(Thuyết minh số 19)	-	55.685.663.962
	5.217.194.359.628	3.805.063.969.247
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	-	360.821.972.154
Nợ thuê tài chính	-	51.761.136
Vay các bên liên quan	-	38.300.000.000
	-	399.173.733.290
	5.217.194.359.628	4.204.237.702.537

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH(tiếp theo)**

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.217.194.359.628	57.957.455	3.749.378.305.285	18.299.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - VND</i>	<i>3.829.533.178.833</i>		<i>2.801.788.429.231</i>	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn - TP.HCM	2.001.189.711.584		1.570.766.515.435	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	749.735.776.086		1.227.021.913.796	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	245.605.716.104		-	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	833.001.975.059		-	
Ngân Hàng United Overseas - CN HCM	-		4.000.000.000	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - USD</i>	<i>1.364.061.180.795</i>	<i>57.957.455</i>	<i>420.043.115.000</i>	<i>18.299.000</i>
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	955.468.791.000	40.757.000	264.131.840.000	11.504.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn - TP.HCM	337.071.442.198	14.186.509		
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Dương	-	-	155.911.275.000	6.795.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	71.520.947.597	3.013.946		
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>-</i>		<i>289.453.058.017</i>	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn - TP.HCM	-		155.253.058.017	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-		134.200.000.000	
<i>Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả và ngắn hạn</i>	<i>23.600.000.000</i>		<i>237.096.000.000</i>	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	-		237.096.000.000	
Bà Lê Thị Phương Loan	23.600.000.000		-	
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	<i>-</i>		<i>997.703.037</i>	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaillease	-		764.585.537	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	-		233.117.500	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-		399.173.733.290	
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>-</i>		<i>360.821.972.154</i>	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn - TP.HCM	-		169.297.959.958	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-		191.524.012.196	
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>-</i>		<i>51.761.136</i>	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaillease	-		51.761.136	
<i>Vay dài hạn từ các bên liên quan</i>	<i>-</i>		<i>38.300.000.000</i>	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	-		14.700.000.000	
Bà Lê Thị Phương Loan	-		23.600.000.000	
TỔNG	5.217.194.359.628	57.957.455	4.148.552.038.575	18.299.000

Lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 4,8%/năm đến 8,60%/năm và USD là từ 3,5%/năm đến 4,9%/ năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022

19. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
Ngày 1 tháng 1 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”), một công ty con của POSCO và được thành lập tại Việt Nam. Theo đó, vào ngày 28 tháng 4 năm 2014, Công ty đã phát hành 559.067 trái phiếu chuyển đổi không đảm bảo với mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000 VND cho Posco để đầu tư lắp đặt hai (2) dây chuyền sản xuất mới. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2022, Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 8 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2024. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND							
Năm 2021							
Tại ngày 01/01/2021	975.098.260.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	976.078.571.974	2.420.910.786.946
Phát hành cổ phiếu	48.130.030.000			-			48.130.030.000
Trả cổ tức						(194.915.890.000)	(194.915.890.000)
Lợi nhuận thuần trong năm						1.179.769.498.732	1.179.769.498.732
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(32.594.589.970)	(32.594.589.970)
Tại ngày 31/12/2021	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.928.337.590.736	3.421.299.835.708
Năm 2022							
Tại ngày 01/01/2022	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.928.337.590.736	3.421.299.835.708
Phát hành cổ phiếu (*)	123.686.810.000	370.065.078.983		-			493.751.888.983
Cổ tức công bố(**)						(114.691.510.000)	(114.691.510.000)
Lợi nhuận thuần trong năm						(270.449.450.176)	(270.449.450.176)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi						(94.381.559.899)	(94.381.559.899)
Khác						(5.426.939.701)	(5.426.939.701)
Tại ngày 31/12/2022	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.443.388.130.960	3.430.102.264.915

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 22 tháng 5 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Theo đó, vào ngày 14 tháng 3 năm 2022, Công ty đã phát hành 12.368.681 cổ phiếu và Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 1.023.228.290.000 VND lên 1.146.915.100.000 VND vào ngày 8 tháng 4 năm 2022.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2022/NQ-HĐQT-TDA ngày 8 tháng 6 năm 2022 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 24 tháng 6 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền tại mức 10% mệnh giá và bằng cổ phiếu tại mức 20% mệnh giá. Vào ngày 11 tháng 7 năm 2022, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền.



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****20.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.023.228.290.000	975.098.260.000
Tăng trong năm	123.686.810.000	48.130.030.000
Giảm trong năm		
Số cuối năm	1.146.915.100.000	1.023.228.290.000

20.3 Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số cổ phiếu		
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	102.322.829
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.691.510	102.322.829
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu đang lưu hành	114.691.510	102.322.829
Cổ phiếu phổ thông		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****1. DOANH THU****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu gộp	21.590.772.573.812	25.199.474.323.558
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	20.722.784.933.273	22.348.391.449.398
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	865.894.409.039	2.847.909.249.960
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.093.231.500	3.173.624.200
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	19.630.464.967.395	23.269.020.082.171
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	1.960.307.606.417	1.930.454.241.387
Các khoản giảm trừ doanh thu	65.497.858.093	40.062.604.225
DOANH THU THUẦN	21.525.274.715.719	25.159.411.719.333

Trong đó:

<i>Các bên khác</i>	19.565.351.712.123	23.232.917.390.496
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	1.959.923.003.596	1.926.494.328.837

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	208.586.568.075	72.025.368.383
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	198.285.199.961	194.143.597.544
TỔNG CỘNG	406.871.768.036	266.168.965.927



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	19.479.552.753.410	19.798.651.553.662
Giá vốn hàng hóa đã bán	807.088.337.535	2.586.339.786.400
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.040.888.085	1.757.155.940
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	72.776.462.361	6.367.130.129
TỔNG CỘNG	20.360.458.441.391	22.393.115.626.131

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	240.085.316.001	197.369.948.761
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	254.903.631.835	52.523.373.305
TỔNG CỘNG	494.988.947.836	249.893.322.066

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí vận chuyển và giao hàng	1.077.564.486.780	1.029.759.138.885
Chi phí nhân viên	45.623.799.235	45.880.726.664
Chi phí quảng cáo	64.755.188.740	81.446.248.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.426.281.535	85.190.369.949
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.765.893.192	5.404.859.227
TỔNG CỘNG	1.271.135.649.482	1.247.681.343.357



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.667.662.433	38.542.693.158
Chi phí nhân viên	39.273.250.274	38.847.318.171
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.588.453.096	7.484.533.253
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	33.861.914.602	2.965.471.480
TỔNG CỘNG	107.391.280.405	87.840.016.062

6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác	8.393.971.344	26.726.602.914
Thu nhập từ bán phế liệu	6.680.504.451	6.067.491.989
Thanh lý tài sản cố định và chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	18.260.001.541
Khác	1.713.466.893	2.399.109.384
Chi phí khác	255.745.773	5.499.222.892
Tiền bồi thường	248.841.109	631.751.991
Tiền phạt thuế	6.904.664	916.235.931
Khác	-	3.951.234.970
LỢI NHUẬN KHÁC	8.138.225.571	21.227.380.022

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế TNDN	-	286.511.729.167
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước		1.976.053.891
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	288.487.783.058
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(23.240.159.612)	20.475.876
Chi phí thuế TNDN	(23.240.159.612)	288.508.258.934



TÔN DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**QUÝ IV NĂM 2022****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tôn Đông Á Long An	Công ty con	Bán thành phẩm	656.115.523.083	632.288.146.058
		Bán hàng hóa	77.127.272	47.353.636
		Giảm trừ doanh thu	-	310.688.780
		Mua dịch vụ	1.853.963.964	1.542.024.836
		Mua thành phẩm	44.365.454	193.888.273
Tôn Đông Á Bắc Ninh	Công ty con	Bán thành phẩm	721.226.708.013	803.290.706.920
		Giảm trừ doanh thu	304.021.003	3.644.844.679
Tôn Đông Á Đà Nẵng	Công ty con	Bán hàng hóa	6.490.909	9.825.909
		Bán thành phẩm	580.961.757.206	492.076.568.591
		Giảm trừ doanh thu	80.581.818	4.379.091
Tôn Đông Á Bình Dương	Công ty con	Bán phế liệu	-	23.640.273
		Mua dịch vụ	97.511.320.348	89.982.155.356
		Thanh lý tài sản	-	12.640.388.547
		Doanh thu dịch vụ	1.920.000.000	2.718.000.000
		Công ty con chi hộ cho công ty mẹ	3.619.510.161	1.308.663.007
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	349.276.000.000	8.025.000.000
		Vay	97.480.000.000	259.821.000.000
		Lãi vay	4.466.028.959	1.149.254.334
		Thuê văn phòng	-	7.500.000.000
		Mua văn phòng	-	91.280.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	-	-
		Vay	-	23.600.000.000
		Lãi vay	1.651.999.998	1.120.405.479



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Tôn Đông Á Long An	Công ty con	Bán thành phẩm	193.983.487.689	187.238.252.796
Tôn Đông Á Bắc Ninh	Công ty con	Bán thành phẩm	110.099.403.698	168.642.104.721
Tôn Đông Á Đà Nẵng	Công ty con	Bán thành phẩm	87.638.564.139	90.814.748.457
Tôn Đông Á Bình Dương	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.778.040.916	10.666.040.916
TỔNG CỘNG			394.499.496.442	457.361.146.890
Phải trả người bán ngắn hạn				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Mua văn phòng	-	9.128.000.000
Tôn Đông Á Bình Dương	Công ty con	Mua dịch vụ	6.474.993.976	5.679.118.309
Tôn Đông Á Long An	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	162.608.274	189.959.811
TỔNG CỘNG			6.637.602.250	14.997.078.120
Phải trả khác ngắn hạn				
Tôn Đông Á Bình Dương	Công ty con	Chi hộ	727.506.153	486.813.000
Vay ngắn hạn				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Vay	-	237.096.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Vay dài hạn đến hạn trả	23.600.000.000	
Vay dài hạn				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Vay	-	14.700.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Vay	-	23.600.000.000
TỔNG CỘNG			-	38.300.000.000



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

Đơn vị tính: VND

	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Hội đồng Quản trị	4.158.800.000	418.800.000
Ban Tổng Giám đốc	14.041.139.329	11.642.345.164
Ban Kiểm soát	115.000.000	-
TỔNG CỘNG	18.314.939.329	12.061.145.164

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Bình Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2023

Người lập

(Ký, họ tên)

Phan Diệp Quế Trâm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc